



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên
Ông Lưu Minh Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/07/2025)
Ông Đinh Văn Thọ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sinh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên
Ông Vũ Doãn Quân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Huy Hà – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 08 năm 2025

Số: 082602/2025/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoàng Hà

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 08 năm 2025, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 10.250.678.109 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 85.554.073.445 đồng), lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 30/06/2025 là 325.713.399.161 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 269.014.330.117 đồng). Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2025 đang âm 14.326.844.069 đồng (6 tháng đầu năm 2024 âm 12.210.744.315 đồng). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Lê Quốc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2025-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.918.102.248	3.765.753.843
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		218.260.352	117.241.835
1. Tiền	111	V.1	218.260.352	117.241.835
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.929.702.550	2.974.128.281
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.163.027.480	1.581.387.062
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	502.882.708	738.097.573
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	263.792.362	654.643.646
III. Hàng tồn kho	140	V.7	342.158.603	323.910.021
1. Hàng tồn kho	141		342.158.603	323.910.021
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		427.980.743	350.473.706
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	143.534.161	297.385.888
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		163.349.646	48.065.854
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	121.096.936	5.021.964
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.605.000.138	172.049.531.272
I. Tài sản cố định	220		31.050.110.410	149.978.414.258
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	31.034.497.523	149.954.001.369
- Nguyên giá	222		139.726.705.148	364.043.034.271
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108.692.207.625)	(214.089.032.902)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15.612.887	24.412.889
- Nguyên giá	228		163.000.000	163.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(147.387.113)	(138.587.111)
II. Bất động sản đầu tư	230	V.11	14.103.260.658	14.486.154.613
- Nguyên giá	231		19.144.697.736	19.144.697.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.041.437.078)	(4.658.543.123)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.930.359.205	5.930.359.205
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	5.930.359.205	5.930.359.205
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.400.301.189	1.400.301.189
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	1.400.301.189	1.400.301.189
V. Tài sản dài hạn khác	260		120.968.676	254.302.007
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	120.968.676	254.302.007
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		57.523.102.386	175.815.285.115

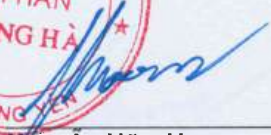
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.068.418.840	89.661.532.525
I. Nợ ngắn hạn	310		15.168.780.357	89.319.827.288
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	6.051.655.025	5.665.340.657
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	586.830.258	126.496.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	332.593.006	328.776.314
4. Phải trả người lao động	314		2.055.734.000	2.154.725.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.203.871	7.155.873
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	1.161.936.875
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	2.276.169.712	16.842.499.447
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	3.860.594.485	63.032.897.122
II. Nợ dài hạn	330		12.899.638.483	341.705.237
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	-	63.471.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	12.600.000.000	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		299.638.483	278.234.237
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.454.683.546	86.153.752.590
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	29.454.683.546	86.153.752.590
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		348.963.540.000	348.963.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		348.963.540.000	348.963.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		932.107.220	932.107.220
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.272.435.487	5.272.435.487
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(325.713.399.161)	(269.014.330.117)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(269.014.330.117)	(235.712.178.540)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(56.699.069.044)	(33.302.151.577)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		57.523.102.386	175.815.285.115


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập


Trịnh Thị Xinh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 08 năm 2025




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		12.037.928.438	23.934.661.939
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	12.037.928.438	23.934.661.939
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	20.896.288.186	35.149.417.075
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(8.858.359.748)	(11.214.755.136)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	524.029.852	41.004.962
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	416.122.628	1.052.629.841
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		409.178.184	1.052.629.841
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.605.387.624	5.687.302.818
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.355.840.148)	(17.913.682.833)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.035.644	222.831.615
12. Chi phí khác	32	VI.7	43.326.860.294	62.054.789
13. Lợi nhuận khác	40		(43.321.824.650)	160.776.826
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(56.677.664.798)	(17.752.906.007)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Thu nhập (Chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52		21.404.246	264.098.881
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(56.699.069.044)	(18.017.004.888)
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(56.699.069.044)	(18.017.004.888)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(1.625)	(516)
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(1.625)	(516)


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập


Trịnh Thị Xinh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 08 năm 2025




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(56.677.664.798)	(17.752.906.007)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.117.446.335	10.035.151.205
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(143.863)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	43.164.421.616	(133.980.977)
Chi phí lãi vay	06	409.178.184	1.052.629.841
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động	08	(6.986.618.663)	(6.799.249.801)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	7.842.231.596	3.204.336.223
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(18.248.582)	36.128.023
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(15.274.647.292)	(3.839.973.168)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	287.185.058	(40.679.952)
Tiền lãi vay đã trả	14	(176.746.186)	(4.771.305.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.326.844.069)	(12.210.744.315)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(247.575.630)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	61.000.000.000	1.469.486.521
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(122.756.312)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	165.223	123.350.998
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	61.000.165.223	1.222.505.577
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	14.260.594.485	89.940.943.449
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(60.832.897.122)	(78.490.857.473)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(46.572.302.637)	11.450.085.976
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	101.018.517	461.847.238
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	117.241.835	281.614.602
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	143.863
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	218.260.352	743.605.703


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập


Trịnh Thị Xinh
Phụ trách kế toán




Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn,

Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành, kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 cấp ngày 16 tháng 08 năm 2022.

Vốn điều lệ là 348.963.540.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc tại ngày 25/04/2023 theo Thông báo số 1118/TB-SGDHN ngày 27/03/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Hiện tại, cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HHG trên thị trường này là ngày 09/05/2023.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ vận tải và kinh doanh thương mại (bán xe, phụ tùng).

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh ô tô, xăng dầu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát; và
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét.

7. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 191 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 172 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 10.250.678.109 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 85.554.073.445 đồng). Lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 325.713.399.161 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 269.014.330.117 đồng). Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2025 đang âm 14.326.844.069 đồng (6 tháng đầu năm 2024 âm 12.210.744.315 đồng). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình hiện tại đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng. Công ty sẽ tập trung nguồn lực để đầu tư, xây dựng Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình theo tiêu chuẩn bến xe khách loại I thành phố Thái Bình. Dự án này hoàn thành sẽ đảm bảo mang lại nguồn thu đáng kể cho Công ty.
- Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách Công ty Cổ phần Hoàng Hà tại số 368 Lý Bôn, Phường Tiền Phong, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là số 368 Lý Bôn, Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên) theo hợp đồng chuyển nhượng số 52/2025/HĐCN-HH-TPM ngày 24/02/2025 với Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới và biên bản bàn giao toàn bộ dự án bất động sản Văn phòng Công ty - Bến xe khách ngày 28 tháng 02 năm 2025.
- Công ty cũng tìm kiếm thêm nguồn hỗ trợ tài chính với lãi suất ưu đãi từ các cổ đông và Ban lãnh đạo của Công ty.
- Giảm nợ vay các tổ chức tín dụng để giảm chi phí lãi vay phát sinh hàng tháng phải trả.
- Công ty đang tăng cường, điều chỉnh công tác quản lý cho phù hợp như: mở rộng việc khoán doanh thu cho các bộ phận, phòng ban trực tiếp tham gia sản xuất nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh, cải thiện đời sống người lao động và tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Công ty thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý, chi phí gián tiếp,... Ví dụ, Công ty đã xây dựng quy định về sử dụng điện tại cơ quan nhằm hướng dẫn CBCNV có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm điện. Thường xuyên kiểm tra công tác tiết kiệm điện trong cơ quan.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi các tổn thất theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10
Tài sản cố định khác	20

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Hệ điều hành taxi và phần mềm	05

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm cho nhà cửa vật kiến trúc.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe, chi phí mua bảo hiểm...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	208.643.100	110.836.097
Tiền gửi ngân hàng	9.617.252	6.405.738
Cộng	218.260.352	117.241.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.400.301.189	1.400.301.189
Cộng	1.400.301.189	1.400.301.189

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng số 01.2021.416446/HĐTG ngày 23 tháng 06 năm 2021, kỳ hạn 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Khoản tiền gửi gia hạn lần thứ 2 với lãi suất 4,2%/năm, ngày đến hạn là ngày 23 tháng 12 năm 2025. Khoản tiền gửi này được đảm bảo cho việc xây dựng dự án Bến xe khách phía Tây Thái Bình.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới	3.081.001.949	1.403.624.200
Khách hàng khác	82.025.531	177.762.862
Cộng	3.163.027.480	1.581.387.062
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)	71.123.960	54.456.110

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Hà Nội	490.000.000	490.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	10.882.708	173.197.573
Các nhà cung cấp khác	2.000.000	74.900.000
Cộng	502.882.708	738.097.573

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	14.000.000	514.000.000
Phải thu khác	249.792.362	140.643.646
Cộng	263.792.362	654.643.646

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe	134.995.340	287.217.338
Chi phí trả trước khác	8.538.821	10.168.550
Cộng	143.534.161	297.385.888
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	111.857.105	245.949.878
Chi phí trả trước khác	9.111.571	8.352.129
Cộng	120.968.676	254.302.007

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368 phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	342.158.603	-	323.910.021	-
Cộng	342.158.603	-	323.910.021	-

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số thực nộp/ bù trừ trong kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	114.539.079	-	114.539.079	-
Thuế môn bài	5.000.000	7.000.000	7.000.000	5.000.000
Thuế, phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	1.557.857	3.964.107	5.500.000	21.964
Cộng	121.096.936	10.964.107	127.039.079	5.021.964
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	6.674	7.531.580.480	7.721.575.880	190.002.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.774.240	-	-	138.774.240
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	193.812.092	262.563.285	68.751.193	-
Cộng	332.593.006	7.794.143.765	7.790.327.073	328.776.314

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu kỳ	201.265.038.621	26.148.283.282	92.467.014.042	43.022.698.326	1.140.000.000	364.043.034.271
Thanh lý, nhượng bán (*)	(169.973.684.375)	(24.690.406.422)	-	(28.512.238.326)	(1.140.000.000)	(224.316.329.123)
Phân loại lại	1.140.000.000	-	-	(1.140.000.000)	-	-
Tại ngày cuối kỳ	32.431.354.246	1.457.876.860	92.467.014.042	13.370.460.000	-	139.726.705.148
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu kỳ	72.406.518.537	25.335.267.592	81.803.436.475	33.950.060.298	593.750.000	214.089.032.902
Khấu hao trong kỳ	1.654.839.611	31.607.124	2.709.795.228	1.320.010.415	9.500.000	5.725.752.378
Thanh lý, nhượng bán (*)	(59.979.373.060)	(23.917.869.366)	-	(26.622.085.229)	(603.250.000)	(111.122.577.655)
Phân loại lại	593.750.000	-	-	(593.750.000)	-	-
Tại ngày cuối kỳ	14.675.735.088	1.449.005.350	84.513.231.703	8.054.235.484	-	108.692.207.625
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	128.858.520.084	813.015.690	10.663.577.567	9.072.638.028	546.250.000	149.954.001.369
Tại ngày cuối kỳ	17.755.619.158	8.871.510	7.953.782.339	5.316.224.516	-	31.034.497.523

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 4.731.714.681 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 5.284.763.672 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 43.612.570.650 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 77.391.874.902 đồng).

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án bất động sản Văn Phòng Công ty – Bến xe khách số 52/2025/HĐCN-HH-TPM ngày 24 tháng 02 năm 2025 và biên bản bàn giao toàn bộ dự án bất động sản Văn Phòng Công ty – Bến xe khách ngày 28 tháng 02 năm 2025, Công ty Cổ phần Hoàng Hà đồng ý chuyển nhượng và Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án Văn Phòng Công ty – Bến xe khách tại số 368 Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, nay là số 368 phố Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên. Tại thời điểm phát hành báo cáo, do việc chuyển giao chủ sở hữu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đang trong quá trình hoàn tất chủ sở hữu, dẫn đến chủ sở hữu vẫn đang đứng tên Công ty Cổ phần Hoàng Hà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu kỳ	163.000.000	163.000.000
Tại ngày cuối kỳ	163.000.000	163.000.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu kỳ	138.587.111	138.587.111
Khấu hao trong kỳ	8.800.002	8.800.002
Tại ngày cuối kỳ	147.387.113	147.387.113
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	24.412.889	24.412.889
Tại ngày cuối kỳ	15.612.887	15.612.887

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 75.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 75.000.000 đồng).

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu kỳ	19.144.697.736	19.144.697.736
Tại ngày cuối kỳ	19.144.697.736	19.144.697.736
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu kỳ	4.658.543.123	4.658.543.123
Khấu hao trong kỳ	382.893.955	382.893.955
Tại ngày cuối kỳ	5.041.437.078	5.041.437.078
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	14.486.154.613	14.486.154.613
Tại ngày cuối kỳ	14.103.260.658	14.103.260.658

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 14.103.260.658 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 14.486.154.613 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án Bến xe phía Tây Thái Bình (*)	5.930.359.205	5.930.359.205
Cộng	5.930.359.205	5.930.359.205

- (*) Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình được thực hiện theo Hợp đồng BOO số 03/HĐ - BOO ngày 12 tháng 02 năm 2018 ký giữa Sở giao thông vận tải Thái Bình và Công ty Cổ phần Hoàng Hà. Quy mô diện tích của dự án là 47.683 m². Thời gian chuẩn bị và xây dựng công trình theo hợp đồng là từ năm 2018 đến năm 2019. Thời gian quản lý và khai thác là 50 năm. Tổng vốn đầu tư tạm tính của dự án là 118.983.000.000 đồng. Hiện tại, dự án đang trong quá trình giải phóng mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368 phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP THEO)

Về mặt tiến độ thực hiện, theo Công văn số 3505/STNMT-QLĐĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình, khu đất quy hoạch dự án đầu tư xây dựng bến xe khách phía Tây tiếp giáp với đường gom tuyến tránh S1 và đường quy hoạch số 2. Hiện tại, đường gom tuyến S1 chưa đầu tư xây dựng; đường quy hoạch số 2 UBND tỉnh đã có quyết định giao đất để xây dựng đường nhưng đến nay chưa hoàn thành. Như vậy, khu đất thực hiện dự án chưa có đường vào nên dự án chưa thể tiếp tục thực hiện.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vận tải Ngọc Mai	5.004.499.600	5.004.499.600	5.004.499.600	5.004.499.600
Công ty Điện lực Thái Bình	267.053.328	267.053.328	92.812.076	92.812.076
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	780.102.097	780.102.097	568.028.981	568.028.981
Cộng	6.051.655.025	6.051.655.025	5.665.340.657	5.665.340.657
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)	41.230.000	41.230.000	-	-

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần MEDIAMART Việt Nam	514.250.000	-
Các đối tượng khác	72.580.258	126.496.000
Cộng	586.830.258	126.496.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trích trước chi phí lãi vay	5.203.871	7.155.873
Cộng	5.203.871	7.155.873

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	96.510.160	96.510.160
Bảo hiểm xã hội	125.839.441	-
Bảo hiểm y tế	12.287.554	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4.504.416	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	42.471.000	15.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.994.557.141	1.745.989.287
Cộng	2.276.169.712	16.842.499.447
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	63.471.000
Cộng	-	63.471.000

THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	3.860.594.485	3.860.594.485	3.860.594.485	4.832.897.122	4.832.897.122	4.832.897.122
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.860.594.485	3.860.594.485	3.860.594.485	4.832.897.122	4.832.897.122	4.832.897.122
- Chi nhánh Thái Bình (i)						
Vay cá nhân, tổ chức	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	-	-	-	8.200.000.000	8.200.000.000	8.200.000.000
Cộng	3.860.594.485	3.860.594.485			63.032.897.122	63.032.897.122

(i) Vay ngắn hạn TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/416446/HĐTD, ngày 28 tháng 11 năm 2024. Ngân hàng cấp cho Công ty hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 5.900.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28 tháng 11 năm 2025. Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là các hợp đồng thế chấp cụ thể.

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn cá nhân, tổ chức	12.600.000.000	12.600.000.000	10.400.000.000	6.000.000.000	8.200.000.000	8.200.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan (i)	6.300.000.000	6.300.000.000	8.400.000.000	6.000.000.000	3.900.000.000	3.900.000.000
Ông Lưu Huy Hà (ii)	6.300.000.000	6.300.000.000	2.000.000.000	-	4.300.000.000	4.300.000.000
Trừ: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	8.200.000.000	8.200.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	-	-	-	-	3.900.000.000	3.900.000.000
Ông Lưu Huy Hà	-	-	-	-	4.300.000.000	4.300.000.000
Cộng	12.600.000.000	12.600.000.000			-	-
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)	12.600.000.000	12.600.000.000			8.200.000.000	8.200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

- (i) Khoản vay dài hạn ông Nguyễn Hữu Hoan theo hợp đồng vay tiền số 004HH/2023 ngày 04/04/2023 với tổng số tiền cho vay theo hợp đồng là 20.000.000.000 đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn khoản vay trong vòng 24 tháng. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục hợp đồng số 001/PLHD2025 điều chỉnh gia hạn thời hạn vay đến ngày 03 tháng 04 năm 2027.
- (ii) Khoản vay dài hạn ông Lưu Huy Hà theo hợp đồng vay tiền số 005HH/2023 ngày 01/07/2023 với tổng số tiền cho vay theo hợp đồng là 20.000.000.000 đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn khoản vay trong vòng 24 tháng. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục hợp đồng số 002/PLHD2025 điều chỉnh gia hạn thời hạn vay đến ngày 03 tháng 04 năm 2027.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	-	8.200.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	12.600.000.000	-
Cộng	12.600.000.000	8.200.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	-	8.200.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	12.600.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368 phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(235.712.178.540)	119.455.904.187
Lỗi trong năm	-	-	-	(33.302.151.577)	(33.302.151.577)
Số dư đầu kỳ này	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(269.014.330.117)	86.153.752.590
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(56.699.069.044)	(56.699.069.044)
Số dư cuối kỳ này	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(325.713.399.161)	29.454.683.546

b) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.896.354	34.896.354
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại; bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí phi tiền tệ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động KD bất động sản VND	Tổng cộng VND
Kỳ này				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.103.760.042	9.962.494.886	971.673.510	12.037.928.438
Tổng Doanh thu thuần	1.103.760.042	9.962.494.886	971.673.510	12.037.928.438
Chi phí phân bổ	1.471.870.719	23.154.379.875	875.425.215	25.501.675.810
- Giá vốn hàng bán	1.049.601.816	19.342.997.303	503.689.067	20.896.288.186
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	422.268.903	3.811.382.572	371.736.149	4.605.387.624
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(368.110.677)	(13.191.884.989)	96.248.295	(13.463.747.372)
Doanh thu hoạt động tài chính				524.029.852
Chi phí tài chính				416.122.628
Lợi nhuận (lỗ) khác				(43.321.824.650)
Lợi nhuận trước thuế TNDN				(56.677.664.798)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	174.287.773	-	174.287.773
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	573.914.475	5.180.129.562	505.234.355	6.259.278.392
Số dư tại ngày 30/06/2025				
Tài sản bộ phận	268.700.000	55.663.329.763	1.591.072.623	57.523.102.386
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	268.700.000	55.663.329.763	1.591.072.623	57.523.102.386
Nợ phải trả bộ phận	-	28.068.418.840	-	28.068.418.840
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	28.068.418.840	-	28.068.418.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động KD bất động sản VND	Tổng cộng VND
Kỳ trước				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	8.888.802.993	12.559.341.538	2.486.517.408	23.934.661.939
Tổng Doanh thu thuần	8.888.802.993	12.559.341.538	2.486.517.408	23.934.661.939
Chi phí phân bổ	10.652.004.803	27.955.296.148	2.229.418.942	40.836.719.893
- Giá vốn hàng bán	8.539.866.581	24.970.972.463	1.638.578.031	35.149.417.075
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.112.138.222	2.984.323.685	590.840.911	5.687.302.818
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.763.201.810)	(15.395.954.610)	257.098.466	(16.902.057.954)
Doanh thu hoạt động tài chính				41.004.962
Chi phí tài chính				1.052.629.841
Lợi nhuận (lỗ) khác				160.776.826
Lợi nhuận trước thuế TNDN				(17.752.906.007)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	310.151.717	-	310.151.717
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.768.559.049	5.324.746.227	1.054.201.301	10.147.506.576
Số dư tại ngày 30/06/2024				
Tài sản bộ phận	268.700.000	185.486.008.261	1.591.072.623	187.345.780.884
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	268.700.000	185.486.008.261	1.591.072.623	187.345.780.884
Nợ phải trả bộ phận	-	85.789.911.424	116.970.181	85.906.881.605
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	85.789.911.424	116.970.181	85.906.881.605

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 368 đường Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình (nay là số 368 đường Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên), đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại tỉnh Thái Bình. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.037.928.438	23.934.661.939
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.962.494.886	12.559.341.538
- Doanh thu bán hàng hóa	1.103.760.042	8.888.802.993
- Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng	971.673.510	2.486.517.408
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.037.928.438	23.934.661.939

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.342.997.303	24.970.972.463
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.049.601.816	8.539.866.581
Giá vốn bất động sản	503.689.067	1.638.578.031
Cộng	20.896.288.186	35.149.417.075

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	29.329.852	40.861.099
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	143.863
Doanh thu hoạt động tài chính khác	494.700.000	-
Cộng	524.029.852	41.004.962

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	409.178.184	1.052.629.841
Chi phí tài chính khác	6.944.444	-
Cộng	416.122.628	1.052.629.841

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	2.124.922.777	2.388.832.038
Chi phí công cụ, dụng cụ	27.967.020	25.254.227
Chi phí khấu hao TSCĐ	934.867.867	1.661.233.854
Thuế, phí và lệ phí	218.890.292	306.164.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.242.342.293	1.189.966.628
Chi phí bằng tiền khác	56.397.375	115.851.548
Cộng	4.605.387.624	5.687.302.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý tài sản	-	93.149.878
Thu tiền bồi thường bảo hiểm xe	-	90.909.091
Các khoản thu nhập khác	5.035.644	38.772.646
Cộng	5.035.644	222.831.615

7. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lỗ do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (*)	43.193.751.468	-
Các khoản phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế	4.454.912	62.054.789
Chi phí khác	128.653.914	-
Cộng	43.326.860.294	62.054.789

- (*) Khoản lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định phát sinh trong kỳ 06 tháng đầu năm 2025 là do Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách tại số 368 Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, nay là số 368 phố Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên cho Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới theo hợp đồng chuyển nhượng số 52/2025/HĐCN-HH-TPM ngày 24 tháng 02 năm 2025. Theo đó:

- Giá chuyển nhượng trước thuế là 70.000.000.000 đồng;
- Giá trị còn lại của TSCĐ trước tại thời điểm chuyển nhượng là 113.193.751.468 đồng;
- Khoản lỗ hình thành từ giao dịch chuyển nhượng tài sản là 43.193.751.468 đồng.

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần Hoàng Hà		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(56.677.664.798)	(17.752.906.007)
Trong đó:		
Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh thông thường	(13.483.913.330)	(17.752.906.007)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	521.209.818	1.187.163.821
Cộng: Chi phí không được trừ	521.209.818	1.187.163.821
+ Các khoản phạt	4.612.816	62.035.787
+ Chi phí lãi vay giao dịch liên kết	403.670.170	1.035.904.536
+ Chi phí không được trừ khác	112.926.832	89.223.498
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	(12.962.703.512)	(16.565.742.186)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	(43.193.751.468)	-
Cộng: Chi phí không được trừ	-	-
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	(43.193.751.468)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn.

Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)**Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(107.021.232)	(114.797.864)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	20.906	19.002
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	20.906	19.002
Thu nhập chịu thuế TNDN	(107.000.326)	(114.778.862)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(56.699.069.044)	(18.017.004.888)
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(56.699.069.044)	(18.017.004.888)
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ (*)	34.896.354	34.896.354
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.625)	(516)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.625)	(516)
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

(*) Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.965.758.912	11.065.244.652
Chi phí nhân công	7.049.992.594	7.523.236.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.117.446.335	10.035.151.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.998.651.559	3.249.205.248
Chi phí khác bằng tiền	320.224.594	424.016.071
Cộng	24.452.073.994	32.296.853.312

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đã thực hiện ký kết các hợp đồng thuê đất, nộp tiền hàng năm với UBND tỉnh Thái Bình như sau:

Hợp đồng thuê đất số 37HĐ/TĐ ngày 28 tháng 04 năm 2005 thuê đất tại khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình với mục đích xây dựng xưởng sửa chữa - bảo dưỡng xe ô tô, nhà rửa xe liên hoàn, nhà để xe nội bộ, trạm cấp phát xăng dầu nội bộ, kho chứa hàng và phụ tùng. Thời gian thuê đất từ ngày 18 tháng 04 năm 2005 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 10.000 m².

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn,

Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)**

Với các hợp đồng thuê đất liên quan đến dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách, Công ty vẫn chưa sang tên được cho Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới. Do vậy, chủ thể đứng tên hợp đồng thuê đất, nộp tiền hàng năm vẫn là Công ty Cổ phần Hoàng Hà. Cụ thể các hợp đồng thuê đất sau:

Hợp đồng thuê đất số 22HĐ/TĐ ngày 14 tháng 03 năm 2005 thuê đất tại phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình với mục đích xây dựng bến xe ô tô khách. Thời gian thuê đất từ ngày 09 tháng 07 năm 2004 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 3.316,7 m². Hợp đồng thuê đất bổ sung số 101/HĐ/TĐ ngày 18/09/2007 điều chỉnh mục đích sử dụng đất từ "Xây dựng và mở rộng trung tâm điều hành, bãi vận chuyển hành khách du lịch - taxi" sang mục đích "xây dựng bến xe ô tô khách".

Hợp đồng thuê đất số 80HĐ/TĐ ngày 30 tháng 12 năm 2005 thuê đất tại phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình với mục đích xây dựng rãnh thoát nước kết hợp làm cống phụ. Thời gian thuê đất từ ngày 23 tháng 09 năm 2005 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 492,1 m².

Hợp đồng thuê đất số 30HĐ/TĐ ngày 21 tháng 04 năm 2008 thuê đất thuộc địa giới hành chính tại phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình với mục đích mở rộng bến xe khách. Thời gian thuê đất từ ngày 31 tháng 03 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.267,8 m².

Hợp đồng thuê đất số 112HĐ/TĐ ngày 27 tháng 12 năm 2013 thuê đất tại phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình với mục đích xây dựng trung tâm điều hành, bãi vận chuyển hành khách du lịch - taxi. Thời gian thuê đất từ ngày 20 tháng 12 năm 2013 đến ngày 30 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 31,2 m².

Hợp đồng thuê đất số 125HĐ/TĐ ngày 05 tháng 12 năm 2007 thuê đất thuộc địa giới hành chính phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình với mục đích mở rộng bến xe khách. Thời gian thuê đất từ ngày 26 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 5,4 m².

Phụ lục hợp đồng thuê đất số 60 PLHĐ ngày 14 tháng 08 năm 2023 điều chỉnh mục đích sử dụng đất nêu tại Hợp đồng thuê đất số 101HĐ/TĐ, 125HĐ/TĐ, 30HĐ/TĐ, 112HĐ/TĐ thành xây dựng văn phòng Công ty - Bến xe khách (Đất thương mại dịch vụ - TMD).

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:*****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh

Công ty Cổ phần Hoàng Tân

Ông Lưu Huy Hà

Ông Nguyễn Hữu Hoan

Các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt

Mối quan hệ

Ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT và cổ đông lớn của Thái Bình Xanh

Ông Lưu Huy Hoàng - con trai ông Lưu Huy Hà là đại diện pháp luật của Hoàng Tân

Chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	14.545.455	390.323.836
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	14.545.455	270.323.836
Công ty CP Thương mại Thái Bình Xanh	-	120.000.000
Mua hàng	111.230.000	195.238.891
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	111.230.000	195.238.891
Đi vay	10.400.000.000	14.600.000.000
Ông Lưu Huy Hà	2.000.000.000	11.600.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	8.400.000.000	3.000.000.000
Trả gốc vay	6.000.000.000	39.400.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	6.000.000.000	18.000.000.000
Ông Lưu Huy Hà	-	21.400.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	71.123.960	54.456.110
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	71.123.960	54.456.110
Phải trả người bán ngắn hạn	41.230.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	41.230.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.600.000.000	8.200.000.000
Ông Lưu Huy Hà	6.300.000.000	4.300.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	6.300.000.000	3.900.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lưu Huy Hà - Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc	89.779.000	92.084.000
Ông Lê Văn Sinh - Phó Tổng Giám đốc	70.427.000	72.944.000
Ông Lưu Tuấn Anh - Thành viên HĐQT	18.822.000	68.270.000
Ông Đinh Văn Thọ - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Ông Lưu Minh Sơn - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Cộng	263.028.000	317.298.000

3. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 14.260.594.485 đồng.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 60.832.897.122 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368 phố Lý Bôn,
Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau, ngày 30 tháng 6 năm 2025 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.




Nghiêm Thị Hiếu
Người lập



Trịnh Thị Xinh
Phụ trách kế toán





Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 08 năm 2025